Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN
Giờ ký: 2026-11-17T14:58:30.2579961+07:00
Địa điểm:
Lý do:

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/VBHN-QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh[1]

Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh) Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh) Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí

[1]Tên gọi của Quyết định được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 230/TTr-STC ngày 23 tháng 10 năm 2025[2];

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[3]

Quyết định này quy định về phân cấp và phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước được phân công thực hiện các nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của thành phố Bắc Ninh.

---

[2]Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 225/TTr-STC ngày 19 tháng 5 năm 2026; Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh."

[3]Điều này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả bình ổn giá đối với các hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện theo quy định kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

4. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo các tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 4. Định giá[4]

1. Phân cấp thẩm quyền định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá như sau:

a) Sở Y tế định giá cụ thể đối với:

Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng, dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại các đơn vị trên địa bàn (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

b) UBND cấp xã định giá cụ thể đối với:

Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan, đơn vị được phân cấp thẩm quyền định giá lấy ý kiến Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi quyết định giá bảo đảm việc định giá đúng quy định của pháp luật (nếu cần thiết).

2. Phân công nhiệm vụ lập, thẩm định, trình phương án giá.

---

[4]Điều này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026

a) Đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều này: Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15, cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện việc thẩm định, trình phương án giá theo đúng quy định của pháp luật.

b) Đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố:

Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân thành phố định giá, hình thức định giá và trách nhiệm thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Cơ quan được giao thẩm định phương án giá (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.

Cơ quan được giao thẩm định phương án giá (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định phương án giá.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Cơ quan được giao thẩm định phương án giá (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) có trách

nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan được giao thẩm định phương án giá (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá, ban hành văn bản định giá cụ thể sau khi có văn bản định giá khung giá hoặc giá tối đa, giá tối thiểu của Bộ chuyên ngành sau khi rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

4. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ, UBND cấp xã có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Kê khai giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, có quyền yêu cầu các tổ chức thực hiện kê khai giá bổ sung đầy đủ nội dung kê khai giá trong trường hợp kê khai thiếu nội dung theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định.

b) Đối tượng phải kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn thành phố và nằm trong danh sách đối tượng phải kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm thông báo hình thức tiếp nhận kê khai giá cho các tổ chức cá nhân thực hiện kê khai.

3. Việc ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá)

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện rà soát, tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý, đảm bảo không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) [5]Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

Điều 6. Hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua và bên bán không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Giá.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được phân công tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Quyết định này.

Mục 2

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Phân công nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường:

a) Sở Tài chính:

Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá trị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất của địa phương để gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi là Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Thống kê thành phố Bắc Ninh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương, phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục lương thực, thực phẩm và danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng và danh mục Giao thông tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Công thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Chất đốt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi của thành phố có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

i) Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC thuộc địa bàn quản lý.

2. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC. Đối với Thống kê thành phố, thời gian chốt số liệu các kỳ báo cáo thực hiện theo quy định báo cáo của ngành thống kê.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 1 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng Quý II và 6 tháng, Quý III và 9 tháng, Quý IV và cả năm.

Điều 9. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; Có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công phòng chuyên môn triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 10. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương đối với:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài chính hoặc do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương đối với:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố được giao chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá của các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được giao tiếp nhận kê khai giá.

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do cơ quan

chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương:

Sau tối đa 05 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu về giá được ban hành, có hiệu lực, các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương.

Mục 3
KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 11. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các xã, phường về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan và các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ

chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân xã, phường theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này: Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, giao Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quyết định này: Sở Tài chính, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành[6]

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

---

[6]Điều 6, Điều 7 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp***

Trường hợp các cơ quan được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã tiếp nhận phương án giá hàng hóa, dịch vụ để tổ chức thẩm định hoặc đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giá hàng hóa, dịch vụ thì tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá theo quy định tại Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh; UBND cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."

2. Bãi bỏ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh) về việc ban hành Quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 14: Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Bắc Ninh, Thống kê thành phố Bắc Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHỤ LỤC I[7]

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỊNH GIÁ, HÌNH THỨC ĐỊNH GIÁ VÀ TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH, TRÌNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh))

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
I	**Định khung giá**	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	**Định giá tối đa**	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn ngoài vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường

[7] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026.

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
6	Dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	**Định giá cụ thể**	
1	Nước sạch	Sở Tài chính
2	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	
3.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh	Sở Tài chính
3.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã	UBND cấp xã
4	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
11	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
12	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Công thương
IV	**Định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ**	
15	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ, THAM MƯU BAN HÀNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh))

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
A	**Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước**	
I	**Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	**Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng**	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
6	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
9	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (UBND cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)	Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực
III	**Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành**	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
5	Thép xây dựng	Sở Công Thương
6	Than	Sở Công Thương
7	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
8	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
9	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
13	Thiết bị y tế	Sở Y tế

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	**Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương**	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Ngô Tân Phượng